

Lại Nói Chuyện Đường Thi.

01 – 146 (156).

(KỶ 8)

Ở một đoạn khác, bộ “*Thủy Kinh Chú*” viết:

~ *Giáp* trung hữu *Cù Đường, Hoàng Long* nhị than, *Hạ* thủy hồi phục, duyên tổ sở ky!

Cù Đường than thượng hữu Thần miếu vuu chí linh nghiệm, Thích sử, Nhị thiên thạch kinh quá giai *bất đắc minh giốc, phạt cổ*. Thương lữ thượng, hạ *khủng xúc thạch hữu thanh* nãi dĩ bố khóa cao túc. Kim tắc bất năng nhĩ, do hưởng tiên bất triệt!

Thử Giáp đa viên – viên bất sinh Bắc ngạn, *phi duy* nhất xứ; hoặc hữu thủ (取) chi, phóng trước Bắc sơn trung, sơ bất văn thanh.

/ *Thủy Kinh Chú*. Qu. XXXIII. Giang thủy 1 /.

~ Trong *Hẻm* có hai bãi *Cù Đường, Hoàng Long*, mùa *Hè* có những luồng sóng nước đập vào Bãi rồi giạt trở lại, những người xuôi ngược qua lại Hẻm này vốn (rất) sợ!

Trên Bãi Cù Đường có Miếu Thần rất linh thiêng, quan Thích sử và các chức trấn thủ Quận qua đây đều *không được thổi kèn gióng trống*; giới thương buôn xuôi ngược qua đây sợ *cây sào* chông thuyền *chạm vách đá núi* gây ra *tiếng động* nên lẩy *vải bọc đầu sào* lại – Hiện nay thì Miếu đã hết linh thiêng, thế nhưng (người ta) vẫn cúng tế không thôi!

Hẻm núi này có nhiều *vượn* – vượn không sống ở phía bờ Bắc, (*cũng*) *không chỉ* sống ở một vùng; có người bắt vượn đem thả ở vùng núi Bắc, từ đó mới hết nghe tiếng vượn hú.

Theo số liệu *thời cận đại* thì 3 “*Hẻm Núi*” dài vào khoảng 193 cây số – trong đó *90 cây số* có lòng Hẻm hẹp, và *103 cây số* còn lại lòng Hẻm rộng rãi.

3 Hẻm núi thì Hẻm Tây Lăng dài *120 cs.*, Hẻm Vu Sơn *40 cs.*

Hẻm Cù Đường *33 cs.*, lòng Hẻm chỗ hẹp nhất *chưa tới 50 thước*.

Thủy thế Trường giang ở vùng 3 Hẻm núi rất **hiểm ác**, nước chảy gấp, sóng lại lớn và dữ – thời cổ, nếu có việc phải đi thuyền qua vùng này thì đây là việc bất đắc dĩ!

Hẻm **Cù Đường** thế nước hung hiểm hơn hết, thuyền bè vào Hẻm Cù Đường thì chỉ có thể đi từng chiếc một, và phải chờ chiếc trước đi chừng vài cây số thì chiếc kế tiếp mới bắt đầu vào Hẻm được!

Về mặt Thủy lộ, Hẻm Cù Đường là **Cửa ngõ vào đất Thục (Tứ Xuyên)**. Vào đất **Thục** theo đường **sông** thì không thể không đi qua **Hẻm núi này** – bởi vậy, về mặt **chiến lược**, đây là **điểm** mà Quân sự gia thời nào cũng **cố** tranh chiếm cho được! Bài thứ nhất trong 2 bài thơ có tựa “**Trường giang**” Đỗ Phủ có câu “Cù Đường tranh nhất môn”.

(**Phụ chú.**

2 bài **Trường Giang** nói trên ở Quyển XII trong tập “**Đỗ Thi Kính Thuyên**”).

+ **Bách Lao Quan.**

Quan ải cổ ở mé Tây nam huyện Diễn (沔縣) tỉnh Thiểm Tây.

Triều **Tùy** (581 - 618) cho xây **Bách Mã Quan** tại đây – về sau vì ở huyện Lê Dương (黎陽) tỉnh Hà Nam có Cửa ải tên Bạch Mã Quan cho nên đổi tên lại là **Bách Lao Quan**.

Bộ Địa chí “**Thái Bình Hoàn Vũ Ký**” chép:

~ **Bách Lao Quan.**

Tùy Khai Hoàng trung trí; dĩ Thục lộ hiểm, cố viết **Bách Lao Quan (百牢關)** – nhất vãn trí tại **Bách Lao Cốc**.

/ **Thái Bình Hoàn Vũ Ký**. Qu. CXXXIII. Sơn Nam Tây đạo. Tây huyện /.

~ **Bách Lao Quan.**

Được xây trong khoảng Niên hiệu Khai Hoàng thời **Tùy**; vì đường xá xú **Thục** hiểm trở nên gọi là **Bách Lao Quan** – có thuyết nói thành được xây ở **Bách Lao Cốc**.

[**Phụ chú.**

– **Khai Hoàng** (581 - 600). Tên Niên hiệu của **Tùy Văn đế** (541 - 604; tại vị: 581 - 604), ông vua khai sáng **Tùy** triều (581 - 618)].

Ngược lên câu thứ nhất, “**Trung Ba chi Đông Ba Đông sơn**”.

Chữ “**Ba**” (巴) nguyên nghĩa là “loài rắn lớn” (đại xà), tức loài trăn.

Thời cổ, đất **Thục** (tỉnh **Tứ Xuyên** ngày nay) có nhiều **trăn**, cho nên sau này người ta dùng chữ “BA” để phiếm chỉ đất Thục. “**Trung Ba**” có nghĩa là miền trung đất Thục.

Tiếng “**Ba sơn**” chỉ chung vùng núi non xứ Thục.

Câu này có nghĩa “Ở mặt Đông đất Thục là vùng núi non của miền Đông xứ Thục”.

Trở lại vấn đề “**áo thể thi**” của Đỗ Phủ.

Ngô Hãn (? - ?) thời Tống viết:

~ Nhiên **thi tài áo** (纒拗) tác **kiện** nhi **đa kỳ**, **nhập Luật** tác **nhược**, vi **nan công**.
(**Hoàn Khê Thi Thoại** [環溪詩話]. Qu. Trung).

(Dẫn từ:

Đỗ Phủ Quyển. Thượng Biên. Đường Tống chi Bộ. Đệ tam Sách. – Ngô Hãn).

~ Thế nhưng, **thơ làm theo áo thể** thì (lời thơ) **mạnh mẽ** mà **nhiều vẻ kỳ lạ**, (cùng bài) **làm theo Luật thi** thì **yếu, khó** mà **hay**.

(**Hoàn Khê Thi Thoại**. Qu. Trung).

Diệp Thích (1150 - 1223) viết:

~ Đỗ Phủ **cuong tác** (強作) **cận thể**, dĩ công lực khí thể yểm đoạt (掩奪) chúng tác, nhiên đương thời vi Luật thi giả bất phục, thậm hoặc tuyệt khẩu bất đạo!

Chí bản Triều sơ niên, **Luật thi đại hội**, Vương An Thạch, Hoàng Đình Kiên dục kiêm dụng nhị thể, thiện (擅) kỳ sở trường, nhiên chung bất năng thứ kỷ (庶幾) Đường nhân!

(**Tập Học Ký Ngôn** [習學記言]. Qu. XLIX).

(Dẫn từ:

Đỗ Phủ Quyển. Thượng Biên. Đường Tống chi Bộ. Đệ tam Sách. – Diệp Thích).

~ Đỗ Phủ **làm thơ trái với Luật thi**, **dựa vào** tài hoa cao xa của mình (để rồi) phần nhiều vận dụng thể (mới) này trong sáng tác, thế nhưng người sáng tác **Luật thi** thời bấy giờ không phục, thậm chí có người im lặng không nói gì tới!

Đến **những năm đầu** của bản Triều thì **Luật thi sa sút nhiều**, Vương An Thạch, Hoàng Đình Kiên muốn kiêm dùng cả **2 thể**, rồi chuyên cái sở trường của mình, nhưng rốt cục đã không sao bằng được người thời Đường!

(**Tập Học Ký Ngôn**. Qu. XLIX).

Minh Di:

+ **Cương tác.** Chữ [強] ở đây đọc âm “**cương**”, không đọc là “**cưỡng**” [miễn cưỡng], và có nghĩa là “**cố chấp**”, là “**không thuận**” – hoặc nói khác đi là “**trái với**”.

+ Nói cái “**công lực khí thế**” tức nói cái tài năng (làm thơ) của Đỗ Phủ.

+ **Yểm đoạt chúng tác.** Che lấp, lấn lướt các sáng tác.

Câu này ý nói Đỗ Phủ phân nhiều sáng tác theo thể thơ mới này.

Và thể thơ mới Đỗ Phủ vận dụng nói ở đây **tức** chỉ **áo thể thi**, chỉ **luật thi biến thể**, tùy theo cách nói của từng tác gia trong các tập Thi thoại.

Cũng không rõ có phải vì lý do Diệp Thích nêu ra **trên đây hay không** mà rồi một số **tuyển tập Đường thi** của **chính người đời Đường tuyển, cùng thời** hay **sau** Đỗ Phủ một chút, **đã không đưa thơ Đỗ Phủ** vào Tuyển tập của mình, như:

(1). Đường Tả Bản Đường nhân tuyển Đường thi. Dật danh (Người tuyển không rõ).

(2). Hiệp Trung Tập (篋中集). Nguyên Kết (719 - 772) tuyển.

(3). Hà Nhạc Anh Linh Tập (河嶽英靈集). Ân Phan (? - ?) tuyển.

(4). Quốc Tú Tập (國秀集). Nhuế Đỉnh Chương (? - ?) tuyển.

(5). Ngự Lâm Thi (御覽詩). Lệnh Hồ Sở (765 - 836) tuyển.

(6). Trung Hưng Nhân Khí Tập (中興間氣集). Cao Trọng Vũ (? - ?) tuyển.

(7). Cực Huyền Tập (極玄集). Diêu Hợp (775 - ~ 854) tuyển.

(8). **Hựu Huyền Tập** (又玄集). Vi Trang (~ 836 - 910) tuyển

(9). Tài Điều Tập (才調集). Vi Cốc (? - ?) tuyển.

(10). Sưu Ngọc Tiểu Tập (搜玉小集). Dật danh (Tên người tuyển không rõ).

(Tham khảo:

Đường Nhân Tuyển Đường Thi (Thập Chung).

+ Trong “**10 tuyển tập Đường thi**” kể trên mỗi “**Hựu Huyền Tập**” (Quyển Thượng) của Vi Trang là tuyển 7 bài luật thi của Đỗ Phủ – 5 bài ngũ ngôn và 2 bài thất ngôn:

1/. **Tây giao** (西郊). [**Đỗ Thi Kinh Thuyên**. Qu. VIII].

2/. **Xuân vọng** (春望). [Qu. III].

3/. **Vũ Miếu** (禹廟). [Qu. XII].

4/. **Sơn tự** (山寺). [Qu. VI].

(Đỗ Phủ còn 1 bài ngũ ngôn Cổ thi cũng có tựa là “**Sơn tự**” ở Qu. X).

5/. **Khiển hưng** (遣興). [Qu. VII].

6/. **Tống Hàn thập tứ Đông qui Cận tỉnh** (送韓十四東歸觀省). [Qu. VIII]. Thất ngôn.

7/. *Nam lân* (南鄰). [Qu. VII]. Thất ngôn.

Mấy trăm năm sau, khoảng đầu triều Nam Tống (1127 - 1279), *Vưu Mậu* (1125 - 1194) trong tập “*Toàn Đường Thi Thoại*” – luận bình tất cả **308 thi nhân** thời *Đường* – cũng đã gạt tên *Đỗ Phủ* ra ngoài, không nói gì tới!

Ngoài ra, chú thích cuối bài thứ 6 trong “*Hí vi lục Tuyệt cú*” Dương Luân có đoạn viết:

~ Dương công chi thế, *kỳ bài để* (排詆) *dịch bất thiếu* hĩ!

~ Vào thời ông những *lời hủy báng thơ ông cũng không phải ít!*

Về “*áo thể thi*” nói chung và trong thơ của *Đỗ Phủ* nói riêng tôi đã trình bày khá đầy đủ trong bài viết “*Đường Thi Một vài*” – đã đưa lên diễn đàn trước đây mấy năm – nhất là trong cuốn tuyển dịch thơ *Đỗ Phủ* của tôi ~ gồm 169 bài thuộc đủ thể loại, cũng đã tạm hoàn tất vào năm ngoái (2015) – có tựa là “*Đỗ Phủ. nghèo, bệnh, cô độc... một đời*”.

(Trong khi chưa đưa lên diễn đàn – hoặc chưa ấn hành, trong *khả năng* có thể, tôi vẫn tiếp tục bổ túc, dịch thêm một số bài thơ, *sửa* vài chữ trong một vài bài thơ *đã dịch* mà tôi chưa vừa ý, cũng như duyệt xét lại, tìm những lầm lẫn, thiếu sót).

Hoặc gặp những câu nào “*lạ lùng*” như 4 câu đầu bài “*Hoàng Hạc Lâu*”, không biết họ liên đồ cho “*áo thể thi*”, một thể thi mà họ cũng *ám ó*, chẳng biết *qui luật* ra sao – như cái ông được gọi là “học giả” Lê Hữu Mục, đã nói, ở Canada.

Những người cứ tưởng *những bằng bằng, trắc trắc... ghi* trong các sách giáo khoa là tất cả Luật thơ Đường, để từ căn bản này mà luận Đường thi thì không gì sai lầm hơn!

Tiếp đến, tôi nói về cái biên khảo của bà Huệ Thu.

Bà viết:

– [Bài Hoàng Hạc Lâu được kể như bài thơ hay nhất của Trung Hoa.](#)

Xin hỏi bà Huệ Thu:

Học giả nào, thi nhân nào nói *Hoàng Hạc Lâu* là “[bài thơ hay nhất của Trung Hoa](#)”?

Kế đến, nhận định này (“*Hoàng Hạc Lâu là bài thơ hay nhất của Trung Hoa*”) được đưa ra trong sách nào, tác phẩm nào của người đưa ra nhận định trên?

Đã gọi là biên khảo thì nói phải có chứng cứ!

Lại nữa, bà Huệ Thu đã không biết rằng về bài Thất ngôn Luật thi hay nhất thời Đường thi nhân, học giả (hồ hết cũng là thi nhân) các thời nhận định rồi không giống nhau.

Nghiêm Vũ (? - ?) triều Nam Tống (1127 - 1279) trong Tập “*Thương Lương Thi thoại*” cho rằng bài “*Hoàng Hạc Lâu*” là Bài *thất ngôn* Luật thi hay nhất xưa nay!

Về bài *Hoàng Hạc Lâu* Nghiêm Vũ viết:

~ Đường nhân Thất ngôn Luật thi, đương dĩ Thôi Hiệu “*Hoàng Hạc Lâu*” vi đệ nhất.

/ *Thương Lương Thi Thoại* (滄浪詩話). Thi bình.

XLIV /.

~ [Về] Thất ngôn Luật thi đời Đường thì phải nói bài “*Hoàng Hạc Lâu*” của Thôi Hiệu là đệ nhất.

Nhưng Dương Thận lại nhận định bài “*Độc bất kiến*” của Thẩm Thuyên Kỳ rồi hay hơn bài “*Hoàng Hạc Lâu*”.

(Coi lời nhận định của Dương Thận ở một đoạn sau).

Trong khi đó thì học giả Hồ Ứng Lân (1551 - 1602) cuối triều *Minh* (1368 - 1644), trong tập “*Thi Tảo*” (詩藪), nhận định Bài “*Đăng cao*” của *Đỗ Phủ* là:

~ “*Cổ kim thất ngôn Luật thi chi quán*”.

~ “*Bài thất ngôn Luật thi hay nhất xưa nay*”.

(Dẫn trong “*Đường Thi Đại Quan*”).

Sau đây tôi dịch 3 bài thơ nói trên của Thẩm Thuyên Kỳ, Thôi Hiệu và Đỗ Phủ.

Độc Bất Kiến. 獨不見.

Lư gia thiếu phụ Uất Kim Đường (鬱金堂),

Hải yến song thê (雙棲) đại muội lương (玳瑁梁).

Cử nguyệt hàn trâm (寒砧) thối mộc điệp,

Thập niên chinh thú ức Liêu dương.

Bạch Lang (白狼) hà Bắc âm thư đoạn,

Đơn Phụng (丹鳳) thành Nam thu dạ trường.

Thùy vị hàm sâu ***độc bất kiến?***

Cánh giao (更教) minh nguyệt chiếu lưu hoàng (流黃)!

[*Thẩm Thuyên Kỳ Tập*. Qu. I. Cổ ý trình Bồ khuyết Kiêu Tri Chi].

Họ Lư dâu ở Uất Kim Đường,
Rường khắc đôi mỗi cặp én nương.

Tháng chín hơi thu làm lá héo,
Mười năm đôn thú nhớ Liêu Dương.
Bạch Lang sông Bắc tin thư tuyết,
Đơn Phụng thành Nam thu dạ trường.
Ai nói ôm sâu kiếp lẻ bóng?
Đến cho trăng sáng ánh phai vàng!

(**Minh Di**).

Bài này *Thi tập* của Thẩm Thuyên Kỳ (Qu. I) tựa là “*Cổ ý trình Bổ khuyết Kiều Tri Chi*”.

Tựa nói trên thấy trong các Tổng tập Đường thi:
Đường Âm Thống Thiêm. Át Thiêm. Qu. LIV.
Toàn Đường Thi. Qu. XCVI.

Các tựa khác trong các tuyển tập Đường thi:
Đường Thi Bình Tuyền. Qu. IV. (Thất ngôn Luật) *Độc bất kiến*.

Đường Thi Biệt Tài Tập. Qu. XIII. (Thất ngôn Luật thi) *Cổ ý*.

Các bản tuyển *Đường thi* thường ghi tựa bài này là “*Cổ ý*” (古意) – tức ngắt lấy 2 chữ đầu của tựa bài thơ ghi trong *Thi tập* của Thẩm Thuyên Kỳ, như có thể thấy; trong khi đó trong các tuyển tập về *Nhạc phủ* thì ghi tựa là “*Độc bất kiến*” – tức lấy 3 chữ cuối của câu 7.

Trong “*Đường Thi Biệt Tài Tập*” (唐詩別裁集) – Quyển XIII, Thẩm Đức Tiềm (1673 - 1769) dẫn Nhạc phủ nói “Uất Kim Đường” phải là “Uất Kim Hương (鬱金香)”.

Chữ “Uất” còn đọc âm “Úc”.

[*Chú thích*.

+ *Uất Kim Đường* (鬱金堂).

Nhà giàu sang lấy cỏ Uất kim hương trộn với bùn trát vách phòng của phụ nữ cho thơm.

Lương Vũ đế (464 - 549; tại vị: 502 - 549), trong bài “*Hà thủy chi trung ca*”, có 2 câu:

Lư gia lan thất (蘭室) quế vi lương,

Trung hữu *Uất kim*, Tô hợp hương.

(*Lan thất* là danh xưng đẹp đẽ chỉ chỗ ở của phụ nữ).

+ *Hàn trâm* (寒砧).

Trong *thi từ cổ* Trung Hoa thường dùng 2 chữ để chỉ cảnh Thu tiêu điều hiu hắt, do đó sau này tiếng *Hàn trâm* được dùng để chỉ mùa Thu.
Thời cổ ở Trung Hoa người ta giặt quần áo trên 1 tảng đá, tảng đá này được gọi là TRÂM.

Bài “*Thu hứng*” thứ nhất của Đỗ Phủ, 2 câu cuối:
Hàn y xú xú thối đao xích,
Bạch Đế thành cao cấp mộ *trâm*.

Bài Từ “*Đảo Luyện Tử*” của Phùng Diên Ty (903 - 960) thời Ngũ Đại (907 - 960):

Thâm viện tĩnh, tiểu đình không,
Đoạn tục *hàn trâm* (寒砧) đoạn tục phong.

+ *Liêu Dương*.

Tên một huyện thời Hán (206 tr. Cn - 220 Cn), thuộc Quận Liêu Đông, *trị sở cũ* của *huyện* hiện nay ở về phía Tây bắc của Thị xã Liêu Dương, tỉnh Liêu Ninh.

+ *Bạch lang hà* (白狼河).

Tức Đại Lãng hà ở tỉnh Liêu Ninh hiện nay.

Sách “*Thủy Kinh Chú*” viết:

~ Đại Liêu thủy *xuất tái* (塞) ngoại vệ (外衛) Bạch Bình (白平) sơn, Đông nam nhập tái, quá Liêu Đông *Tương Bình* huyện Tây.....; hựu Đông nam quá *Phòng* huyện Tây..... Liêu thủy hữu (右) hội Bạch Lang thủy, thủy xuất hữu (右) Bắc Bình Bạch Lang huyện.

/ *Thủy Kinh Chú*. Qu. XIV. Đại

Liêu thủy /.

~ Đại Liêu thủy bắt nguồn ở núi Bạch Bình ở mé ngoài quan ải, đổ vào *ải* ở phía Đông nam chảy qua mé *Tây* huyện Tương Bình (quận) Liêu Đông.....; rồi theo hướng Đông nam, chảy qua mặt Tây của Phòng huyện..... Liêu thủy ở mặt Tây nhập sông Bạch Lang – (*sông* này) bắt nguồn từ phía Tây núi Bắc Bình ở huyện Bạch Lang.

+ *Đơn Phụng thành* (丹鳳城).

Tức thành Trường An, Kinh đô Đường triều.

Cổng Nam của Cung Đại Minh trong thành Trường An tên là Cổng *Đơn Phụng* (Đơn = đỏ). Do đó sau này tiếng Đơn Phụng được dùng để phiếm chỉ Kinh thành Trường An.

Trong bài “**Tổng Đàm nhị Phán quan**” Đỗ Phủ có 2 câu (5 / 6):

Tiền nhĩ bạch đầu nhật,
Vĩnh hoài **Đơn Phụng Thành**.
(**Đỗ Thi Kinh Thuyên**. Qu. XIX).

Tiền châu lúc đầu bạc,
Nhớ hoài **Đơn Phụng Thành**.

(Về xưng hô, các tiếng “**nhĩ**” (爾), “**nhữ**” (汝) là những tiếng người trên gọi người dưới).

+ **Lưu hoàng** (流黃).

Từ điển **Từ Nguyên** nêu 4 nghĩa của tiếng “**lưu hoàng**” như sau:

- (a). Màu vàng sậm (Hạt hoàng sắc 褐黃色).
- (b). Những phẩm vật có sắc vàng sậm. (Hạt hoàng sắc đích vật phẩm).
- (c). Lưu huỳnh (hoàng). [Sulfur].
- (d). Một loại hương.

Trong “**Thẩm Thuyên Kỳ. Tổng Chi Vấn tập Hiệu chú**” [Thượng sách. **Thẩm Thuyên Kỳ**. Quyển I. **Cổ ý** trình Kiều Bỏ khuyết Tri Chi – chú thích số (5) Đào Mẫn và Dịch Thục Quỳnh chú giải tiếng “**lưu hoàng**” ở câu cuối là:

~ Hoàng hạt sắc, thử chỉ hoàng hạt sắc chức vật.

~ Màu vàng sậm, ở đây chỉ vải vóc màu vàng sậm.

Minh Di:

Chú giải như Đào Mẫn và Dịch Thục Quỳnh tức ý nói thiếu phụ, con dâu nhà họ Lưu, bận áo màu vàng sậm, ánh trăng chiếu trên áo màu vàng sậm đó.

Chú giải như thế thì không mấy “**thơ**” cho lắm! “**Chữ thơ**” có nhiều lúc rồi không là thứ **chữ** với nghĩa cứng chết trong Tự điển.

Ở đây, tiếng “**lưu hoàng**” chỉ ánh trăng thì đúng hơn!

Màu vàng tối ở đây là **sắc** trong **tâm tưởng** – trăng thu ở đây có thể rất trong, sáng, nhưng trong **lòng sầu muộn** của thiếu phụ rồi biến thành vàng úa].

Vương Phu Chi (1619 - 1692), trong tập “**Đường Thi Bình Tuyền**”, ghi **tựa** bài thơ trên của Thẩm Thuyên Kỳ là “**Độc bất kiến**”, và ông bình như sau:

~ Tòng **Khởi** nhập **Hàm** (頤), linh dương quải giốc; tòng **Hàm** nhập **Phúc** (腹), độc kiến trừu ty. Đệ thất cú Sư hồng (獅吼) Tuyết sơn, Long ngâm thu thủy, hợp thành y nỉ (旖旎) thiêu thái (韶采) kinh nhân. Cổ kim suy vi **tuyệt xướng** đương bất vu (誣)!

Kỳ sở dĩ như đại biện tài nhân thuyết cổ kim sự lý, vị hữu dự lập chi **cơ**, nhi **hồng tiêm** nhất trí, nhân đản hâm hâm vu kỳ chu ngọc.

/ *Đường Thi Bình Tuyển*”. Qu. IV. Thất ngôn

Luật /.

~ Từ 2 câu *Khởi* nhập 2 câu *Thừa*, (thì *như*) đê núi móc sừng lên cành; từ 2 câu *Thừa* nhập 2 câu *Chuyển*, (thì *như*) con tầm cô độc nhà tơ. *Câu 7* (thì *như*) Sự tử rống giữa Tuyết Sơn, (như) Ròng ngân mặt nước thu, hợp thành một vẻ nhẹ nhàng dịu dàng (và) một tư thái mỹ lệ động lòng người. Cổ kim tôn là *bài thơ hay nhất* chẳng phải hư dối!

Sự thể cũng như người đại hùng biện thuyết giảng sự lý cổ kim, lúc *cái cơ* của sự việc chưa hiện thì *đã thấy suốt* tới *chỗ nhỏ nhất* của sự việc, người ta chỉ sướng thích mà thường ngoạn những châu cùng ngọc.

[*Chú thích.*

+ *Linh dương quả giốc*. Đê núi móc sừng lên cành.

Câu “*linh dương quả giốc*” là một Câu rất thường thấy trong các “*Ngữ Lục*” Thiên tông, ý nói không tìm cầu, câu chấp vào ngôn ngữ văn tự để đạt giác ngộ.

Hồ Chân Hanh viết:

~ Thịnh Đường chú Công, *duy tại hứng thú*, “*linh dương quả giốc*”, *vô tích khả cầu*, cố kỳ diệu xứ thấu triệt linh lung, bất khả sắc tướng, ngôn hữu tận nhi ý vô cùng.

Nhược dĩ văn tự vi thi, dĩ tài học vi thi, dĩ nghị luận vi thi, phù khởi bất công, khứ chi dĩ viễn!

Thi Pháp vân: Đường nhân dĩ *thi* vi thi, Tống nhân dĩ *văn* vi thi; Đường nhân chủ tính, tình cô ư *Tam bách thiên* vi *cận*; Tống nhân chủ nghị luận cố ư *Tam bách thiên* vi *viễn*.

/ *Đường Âm Quý Thiêm*. Qu. II. Pháp vi 1. Thống

luận /.

~ Các thi gia lớn thời Thịnh Đường, (làm *thơ*) *chỉ ở chỗ hứng thú*, (thơ của các vị rồi như) con “*đê núi móc sừng cành cây*”, *không có dấu tích để lần tìm được*, do đó chỗ kỳ diệu ngân vang tới tận cùng, không thể lấy sắc tướng mà thấy được, lời tận mà ý vô cùng.

Nếu lấy *chữ nghĩa* làm *thơ*, lấy *tài học* làm *thơ*, lấy *nghị luận* làm *thơ*, (*cứ như đây*) lẽ nào thơ lại không khéo, nhưng như vậy thì rất xa với cái kỳ diệu của thơ!

Thi Pháp nói: Người đời Đường *lấy thơ* làm thơ, người đời Tống *lấy văn* làm thơ; *thơ* của người thời *Đường* chủ *tả tính, tình*, vì thế *gần với Kinh Thi*, *thơ* của người thời *Tống* chủ về nghị luận, do đó *xa rời Kinh Thi*].

Đăng cao.

Phong cấp thiên cao viên tiêu ai,
Chữ thanh sa bạch điều phi hồi. (1).
Vô biên lạc mộc tiêu tiêu hạ,
Bất tận trường giang cồn cồn lai. (2).
Vạn lý bi thu thường tác khách,
Bách niên đa bệnh **độc** đăng đài. (3).
Gian nan khổ hận phiền sương mấn,
Lạo đảo tân đình trọc tửu bôi. (4).

(**Đỗ Thi Kính Thuyên**. Qu. XVII).

Gió rát trời cao vượn hú sâu,
Bến trong cát trắng chim quay đầu. (đôi 1).
Vô biên lá rụng veo veo xuống,
Bất tận sông dài cuộn cuộn lưu. (đôi 2).
Vạn dặm buồn thu thường kiếp khách,
Một đời nhiều bệnh **độc** lên lâu. (đôi 3).
Gian nan khổ hận bờ đầu trắng,
Trầm trệ vừa ngưng chén rượu ngâu. (đôi 4).

(**Minh Di**).

Lý Đông Dương (1447 - 1516) đời Minh viết trong “**Lộc Đường Thi Thoại**” (麓堂詩話):

~ Vô biên lạc mộc tiêu tiêu hạ,
Bất tận Trường Giang cồn cồn lai.
Vạn lý bi thu thường tác khách,
Bách niên đa bệnh **độc** đăng đài!

Cảnh thị hà đẳng cảnh, sự thị hà đẳng sự?

Tổng nhân nãi dĩ “**Cửu nhật Lam Điền Thôi thị trang**” vi Luật thi tuyệt xướng, hà gia?

/ **Lộc Đường Thi Thoại**. 102 /.

~ Vô biên lá rụng vèo vèo xuống,
Bất tận Trường Giang cuộn cuộn trôi.
Vạn dặm buồn thu thường kiếp khách,
Một đời nhiều bệnh **độc** lên lâu!

Cảnh là cảnh gì đây, việc là việc gì đây?

Người đời Tống thì nói “**Cửu nhật Lam Điền Thôi thị trang**” là bài Luật thi hay nhất, là sao vậy?

Minh Di:

+ Câu “Cảnh là cảnh gì đây, việc là việc gì đây?”.

Ý nói cảnh gì mà mệnh mang trong khi con người thì quá nhỏ, *kiếp người thì quá ngắn*. Việc thì ngổ ngang rồi bời, sự đời 10 việc 9 chẳng như, không gì là chẳng khổ!

Thấy gió lộng, trời cao, vượn hú thê thiết dạ rồi *bùi ngùi*, thấy *chim bay trở lại* thì *buồn* cho kiếp xa nhà, nhìn lá đổ miên man, sông nước mệnh mang trôi *không cùng tận* mà tâm tư bồi hồi, một đời thân bệnh là khổ, thân người rồi không gì là chẳng khổ!

+ Câu cuối, ý của Lý Đông Dương cho rằng bài “*Đăng cao*” là bài Luật thi hay nhất của Đỗ Phủ, thế nhưng không hiểu *sao* người đời Tống (chỉ thi nhân đời Tống) lại cho rằng bài “*Cửu nhật Lam Điền Thôi thị trang*” – cũng của Đỗ Phủ, là bài Luật thi hay nhất?

Ngoài văn chương Lý Đông Dương còn sở trường Thư pháp, các thể Triện thư, Lệ thư và Thảo thư – về *Thảo thư* thì ông tự thành một phong cách riêng.

Sử gia, mà cũng là Văn học gia trứ danh, Vương Thế Trinh (1526 - 1590) luận:
~ Lão Đỗ tập trung ngô thậm ái “phong cấp thiên cao” nhất chương, kết dịch vi nhược.

/ *Nghệ Uyển Chi Ngôn*. Qu. IV.

26 /.

~ Trong Thi tập của Đỗ Phủ tôi rất thích bài “*Đăng cao*”, đoạn kết cũng hơi yếu.

Minh Di:

2 chữ “*hơi yếu*” ở đây là nói tinh thần của Đỗ Phủ, không nói về nghệ thuật sáng tác.

Khi đọc bài “*Đăng cao*” Hà Xước (1661 - 1722) đời Thanh đã viết như sau:

~ Viễn khách bi thu, hựu dĩ lão bệnh chỉ tửu, kỳ vô liêu khả tri!

Thiên tự vạn đoạn, vô thủ vô vĩ, sử nhân vô xứ tróc mạc, thử đăng thi như hà khả học!

/ *Nghĩa Môn Độc Thư Ký*. Qu. LIV. Đỗ Công Bộ Tập. Cận

thê /.

~ Khách xa nhà buồn Thu, lại nổi già bệnh phải bỏ rượu, nổi buồn phiền rồi có thể rõ!

Ngàn đầu vạn mối, không thấy đầu không thấy đuôi, làm cho người ta không có chỗ để suy đoán, nắm bắt, thơ như thế này làm sao học được đây!

Dương Luân bình cuối bài thơ:

~ Cao hồn nhất khí, cổ kim **độc bộ**, đáng vi Đỗ tập thất ngôn Luật thi đệ nhất.

~ Toàn một giọng chân tình thanh cao, *xưa nay vượt trên tất cả*, đáng là **bài** thất ngôn Luật thi hay nhất trong thi tập của Đỗ Phủ.

Và sau cùng:

Hoàng Hạc Lâu (黃鶴樓).

Tích nhân dĩ thừa **bach vân** khứ,
Thử địa không dư Hoàng Hạc Lâu.
Hoàng Hạc nhất khứ bất phục phản,
Bach vân thiên tái không du du.
Tinh xuyên lịch lịch Hán Dương thụ,
Phương thảo thê thê Anh Vũ châu.
Nhật mộ hương quan hà xứ thị?
Yên ba giang thượng sử nhân sầu!

Người xưa đã cỡi **mây trắng** khuất,
Quạnh quẽ nơi đây Hoàng Hạc Lâu.
Hoàng Hạc đã khuất chẳng trở lại,
Trắng mây ngàn thuở trôi đầu đầu.
Hán Dương lớp lớp cây mờ biếc,
Anh Vũ xanh xanh cỏ ngát màu.
Bóng ngả, quê nhà đâu đó hỡi?
Trên sông khói sóng khiến người sầu!

(Minh Di).

Câu mở đầu, "**bach vân khứ**" đúng, câu "**Hoàng hạc khứ**" sai!

Vấn đề này tôi đã phân tích biện luận rất rõ trong bài "**Hương quan hà xứ**", với những chứng cứ không thể chối cãi! (Sẽ đăng lại bài này).

Minh Di:

3 Bài "**Độc Bất Kiến**", "**Hoàng Hạc Lâu**", "**Đăng Cao**" – về *phương diện nghệ thuật*, đã đạt cảnh giới tối cao của thi ca.

Thế nhưng, tại sao nhận định của mỗi tác gia lại mỗi khác?

Tất cả rồi *tùy* tâm tưởng, *tùy* cảm nhận bản thân mà mỗi tác gia, thi gia, mỗi học giả có nhận định khác nhau; tâm tưởng, cảm nhận ứng hợp với bài thơ nào thì

cho bài thơ đó là hay nhất! Nhưng, **cũng** cần nhắc lại ở đây, “**tùy**” gì thì **tùy** trước hết **tự thân bài thơ** phải có phong cách nghệ thuật tuyệt cao!

Minh Di

Nguồn: https://www.hon-viet.co.uk/MinhDi_LaiNoiChuyenDuongThi8.htm

www.vietnamvanhien.org

